**Phụ lục số 28**

**Nội dung Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ**

*(ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)*

**BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ**

**Bán niên 2017**

1. **Thông tin về quỹ**
2. Tên của quỹ, loại hình quỹ: QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU VIỆT NAM
3. Mục tiêu đầu tư của quỹ:

Mục tiêu chính của Quỹ VFMVFB là tìm kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào các loại chứng khoán nợ (bao gồm, nhưng không giới hạn, trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam,), giấy tờ có giá và các công cụ thị trường tiền tệ. Công ty quản lý Quỹ VFM thực hiện việc đầu tư của Quỹ bằng các hình thức đầu tư mà pháp luật hiện hành cho phép. Ngoài ra, mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi hoàn toàn theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy ban chứng khoán nhà nước.

1. Thời hạn hoạt động của quỹ: được tính từ ngày được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, và không giới hạn về thời hạn hoạt động
2. Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio): không có
3. Chính sách phân chia lợi nhuận: Cổ tức Quỹ có thể được phân phối cho nhà đầu tư mỗi năm một lần dựa trên báo cáo đã được kiểm toán, do đề xuất của công ty quản lý quỹ, được sự chấp thuận của Ban đại diện Quỹ và trình Đại hội nhà đầu tư thông qua. Nguồn để phân phối cổ tức Quỹ phải thỏa các điều kiện qui định trong Điều lệ Quỹ.
4. Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành: 21,629,596.13 chứng chỉ Quỹ
5. Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo: được đề cập trong Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2016 của Quỹ Đầu tư Trái Phiếu Việt Nam thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản ngày 31/03/2017 (chi tiết theo file đính kèm).
6. Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo: Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2016 của Quỹ Đầu tư Trái Phiếu Việt Nam thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản ngày 31/03/2017 đã thông qua nội dung kết quả hoạt động của Quỹ năm 2016, ngân sách, kế hoạch hoạt động, những thay đổi về điều lệ quỹ phù hợp với pháp luật (chi tiết theo file đính kèm).



i)Ý kiến nhận xét của NHGS về các nội dung quy định tại Điều 45, TT183: Căn cứ trên thư xác nhận tính tuân thủ của Công ty quản lý quỹ hang tháng gửi cho Ngân hàng giám sát, Công ty quản lý Quỹ đã xác nhận thực hiện nghiêm chỉnh việc lập báo cáo tuần, tháng, quý, bán niên và năm theo quy định tại Điều 45 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở.

1. **Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ**
2. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 30/06 của 3 năm gần nhất:

* Danh mục đầu tư của quỹ phân bố theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (cổ phiếu, trái phiếu…) tại ngày 30/06/2017 gồm:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **30/06/2017** | **30/06/2016** | **30/06/2015** |
| 1 | Trái phiếu | 160,680,500,000 | 100,191,500,000 | 51,804,500,000 |
|
| 2 | Chứng chỉ tiền gửi | 102,168,069,563 | 38,000,000,000 | 37,000,000,000 |
| 3 | Tiền gửi ngân hàng | 55,337,921,082 | 8,289,938,876 | 3,864,148,784 |
| 4 | Tài sản khác | 5,982,951,330 | 3,563,564,308 | 2,490,436,066 |
|  | **Tổng giá trị danh mục** | **324,169,441,975** | **150,045,003,184** | **94,719,584,850** |

* Giá trị tài sản ròng của quỹ tại ngày 30/06/2017 là 320,588,862,096 đồng, tại ngày 30/06/2016 là 99,789,098,733 đồng

-Tại ngày 30/06/2017, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ: 14,821.76, số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành: 21,629,596.13

* Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong kỳ báo cáo: 14,821.76 đồng/ccq
* Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong kỳ báo cáo: 13,103.95 đồng/ccq

Tổng lợi nhuận của quỹ, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi…) (giá trị thu nhập);



- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ: không có

- Thời điểm phân chia lợi nhuận: không có

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: không có

- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ (*chỉ tính tại thời điểm cuối quý II và cuối quý IV của năm tài chính*);

Tỷ lệ chi phí hoạt động trên GTTSR trung bình trong kỳ (%): 1.4%

- Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay của danh mục (*chỉ tính tại thời điểm cuối quý II và cuối quý IV của năm tài chính*);

- Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ/NAV trung bình trong kỳ năm 2017 : 250%

- Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ/NAV trung bình năm 2016 : 368.34%

Nguyên nhân của sự thay đổi này:

Trong 6 tháng đầu năm 2017, tỷ lệ chi phí hoạt đông của quỹ VFB và tốc độ vòng quay danh mục giảm do tổng giá trị tài sản ròng của quỹ có sự tăng trưởng mạnh từ 102,1 tại thời điểm 31/12/2016 lên 320,6 tỷ tại thời điểm 30/6/2017. Bên cạnh đó quỹ cũng áp dụng việc mua và nắm giữ đối với trái phiếu chính phủ trong quý 2 2017 dẫn tới việc chi phí giao dịch của quỹ giảm.

Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong thời hạn 36 tháng (từ thời điểm lập Quỹ 10/6/2013 đến ngày lập báo cáo):

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Bán niên 2017** | **Bán niên 2016** | **Bán niên 2015** |
| **Lợi nhuận bình quân** | **14,177,570,479** | **3,507,413,203** | **2,370,737,628** |

Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: nguyên tắc xác định giá trị tài sản của Quỹ được quy định chi tiết trong Điều lệ Quỹ và sổ tay định giá của Quỹ;

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: Bảng báo giá chứng khoán được cung cấp bởi 3 Cty Chứng khoán độc lập của Quỹ và được Ban Đại diện phê duyệt hàng năm

1. Báo cáo phải nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.
2. **Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ**

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ bao gồm các nội dung sau:

1. Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ: *không có*
2. Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ) : *không áp dụng cho báo cáo bán niên*
3. So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị): *Quỹ không áp dụng danh mục tham chiếu, chỉ số tham chiếu.*
4. So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị): *Quỹ không áp dụng danh mục tham chiếu, chỉ số tham chiếu.*

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ: *Trong kỳ quỹ áp dụng chính xác các chiến lược, chiến thuật đầu tư như đã được công bố trong Bản cáo bạch (Không bổ sung gì thêm)*

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo*:*

Tại thời điểm 30/6/2017, phân bổ tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ tính trên giá trị tài sản ròng bao gồm 50,1% giá trị trái phiếu chính phủ, 31,9% giá trị chứng chỉ tiền gửi và 17,3% giá trị tiền mặt và tiền gửi ngân hàng. Tỷ trọng này có sự thay đổi lớn so với thời điểm 30/6/2016, đặc biệt đối với tỷ trong tiền mặt, do việc có thêm dòng tiền mua vào quỹ và việc sử dụng giao dịch bán-mua lại trái phiếu chính phủ lại thời điểm 30/6/2016.

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất:

Trong giai đoạn từ ngày 1/1/2017 tới 30/6/2017, NAV trên chứng chỉ quỹ của quỹ VFB đạt mức tăng trưởng 7,26% từ mức 13.819,1 đồng lên mức 14.821,76 đồng. Tăng trưởng NAV nêu trển được đóng góp chủ yếu từ lãi chứng chỉ tiền gửi, lãi trái phiếu chính phủ và từ việc tăng giá các trái phiếu được quỹ nắm giữ. Tăng trưởng NAV/chứng chỉ quỹ trong 6 tháng đầu năm 2017 có sự thay đổi mạnh so với giai đoạn cùng kỳ trong năm 2016 (tăng 7,26% so với mức tăng 3,68% của năm 2016), nguyên nhân chính của sự thay đổi này là lợi nhuận từ việc tăng giá các trái phiếu chính phủ được quỹ năm giữ trong quý 2 2017.

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ; ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): *không có*

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: *không có*

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan : *không có*

1. **Báo cáo về hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát:**

Ngân hàng giám sát phải đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty quản lý quỹ đầu tư Việt Nam (VFM) trong quá trình vận hành và quản lý quỹ Đầu tư trái phiếu Việt Nam (VFMVFB) đối với các nội dung sau:

1. *Thuyết minh về việc thay đổi Ngân hàng giám sát (nếu có):* từ 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017, Quỹ không thay đổi Ngân hàng giám sát.
2. *Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch :* trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ Đầu tư trái phiếu Việt Nam (VFMVFB) trong giai đoạn sáu tháng đầu năm 2017, hạn mức đầu tư Quỹ đã tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về cho vay theo quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật có liên quan.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017, Quỹ không có bất kỳ hợp đồng vay và cho vay.

1. *Việc xác định giá, đánh giá tài sản ròng của Quỹ:* việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và các văn bản pháp luật có liên quan.
2. *Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ:* việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ được tuân thủ theo quy định pháp luật liên quan hiện hành, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch.

Từ ngày 01/01/2017 ngày 30/06/2017, Quỹ đã thực hiện:

* Phát hành thêm chứng chỉ Quỹ: phát hành thêm 16.842.134,08 chứng chỉ Quỹ tương ứng với tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 168.421.340.800 đồng.
* Mua lại chứng chỉ Quỹ: Quỹ mua lại 2.606.985,24 chứng chỉ Quỹ tương ứng với tổng giá trị mua lại theo mệnh giá là 26.069.852.400 đồng.

*e) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ:* từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

**5**-**Báo cáo về hoạt động ủy quyền**

Báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng...với các nội dung sau:

1. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ;

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Tỷ lệ so với lợi nhuận** | **Tỷ lệ so với chi phí hoạt động** | **Tỷ lệ so với thu nhập** |
| Chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng | 0.28% | 3.19% | 0.26% |
| Chi phí dịch vụ Quản trị Quỹ | 0.47% | 5.31% | 0.43% |

b) Các ảnh hưởng của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ : Chỉ làm tăng chi phí nhưng không đáng kể, hạn chế tối thiểu mức độ rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ

c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ);



d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dư phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư : Tốt

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Tổng Giám đốc Công ty quản lý quỹ** |